

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Đức Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 912/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1074/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Xuân H, sinh năm: 1982 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 61, khu vực 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Mai Văn H1, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 50 T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị Xuân H trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Mai Văn H1 tìm hiểu nhau trong thời gian dài. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 12 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà chồng tại số nhà 50 T, Bình Định, A. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu bình thường. Đến khoảng năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H1 không chung thủy, nhiều lần chị và gia đình bắt gặp anh H1 có tình cảm và gần gũi với nhiều người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh H1 không sửa đổi tính tình mà còn đập phá đồ đạc và xúc phạm chị. Mâu thuẫn tiếp diễn đến cuối năm 2021 thì vợ chồng không còn sống chung với nhau. Chị trở về nhà mẹ ruột ở tổ 61, khu vực 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định sống đến nay. Từ khi không còn sống chung thì anh H1 không sửa đổi tính tình mà còn tiếp tục đe dọa đánh và xúc phạm chị. Chị không còn tình cảm với anh H1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng có hai người con chung gồm: Mai Việt H2, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2006 và Mai Bảo H3, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2011. Hiện nay cháu H2 đang ở với chị còn cháu H3 đang ở với anh H1. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H3, yêu cầu anh H1 nuôi cháu H2 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Mai Văn H1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng:

Hoạt động tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Xuân H. Giao người con chung tên Mai Bảo H3 cho chị Trần Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, giao người con chung Mai Việt H2 cho anh Mai Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Không xem xét giải quyết

về tài sản chung và nợ chung vì chị Trần Thị Xuân H không yêu cầu. Chị Trần Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Xuân H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Mai Văn H1 có địa chỉ cư trú tại số 50 T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị Xuân H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Mai Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Mai Văn H1 không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Chị H và anh H1 đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 12 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị H và anh H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai không có biện pháp hàn gắn tình cảm mà tự chấm dứt cuộc sống chung trong thời gian từ năm 2021 đến nay. Mặc dù biết chị H yêu cầu ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh H1 không tham gia tố tụng. Điều này chứng tỏ anh H1 có thái độ bỏ mặc, không tha thiết hàn gắn tình cảm để xây dựng lại mái ấm gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có hai người con chung gồm: Mai Việt H2, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2006 và Mai Bảo H3, sinh ngày 02 tháng

9 năm 2011. Hiện nay cháu H2 đang ở với chị H còn cháu H3 đang ở với anh H1. Xét thấy cháu H2 có nguyện vọng ở với anh H1 và cháu H3 có nguyện vọng ở với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu H3 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu H2, cháu H3 và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H là có căn cứ chấp nhận.

[6] Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 1 Điều 96, Điều 97, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chị Trần Thị Xuân H được ly hôn anh Mai Văn H1.

2. Giao người con chung tên Mai Việt H2, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2006 cho anh Mai Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao người con chung tên Mai Bảo H3, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2011 cho chị Trần Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005749 ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường N, thành phố Q (GCNKH số 21/2005);
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh